

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-ST

Ngày 30- 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Nguyễn Đình Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019, đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Dương Văn B** (tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 04 tháng 7 năm 1990, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Dương Xuân K, sinh năm 1941 và bà Phùng Thị C, sinh năm 1952.

Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1995;

Con: Dương Thị Bạch T, sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- *Người Bị hại:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu D, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Vào ngày 19/01/2019, sau khi ăn cơm, nghỉ trưa tại nhà anh Nguyễn Văn Th ở xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đến khoảng 13 giờ 30 phút, Dương Văn B nhờ anh Th đưa về nhà B ở xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi đi qua nhà chị Hà Thị V thuộc xóm D, xã Th, huyện T là người đang trực tiếp thuê B xây tường bao. B bảo anh Th dừng lại để vào hỏi vay tiền chị V.

Thời điểm này, gia đình chị V đang ngủ trưa, B đi xuống bếp thấy anh Hoàng Văn N, là thợ xây cùng mình đang ngủ, bên cạnh chỗ nằm có để chiếc điện thoại di động, vỏ ốp bằng nhựa. B đã lấy chiếc điện thoại giấu vào túi quần rồi ra về.

B gặp anh Th và nhờ Th tiếp tục đưa về nhà. Đến địa phận xã T, B xuống xe còn anh Th thì quay về nhà. B đi bộ ra quán điện thoại của anh Nguyễn Văn T ở khu 10, xã T cầm cố chiếc điện thoại vừa trộm cắp được lấy 1.000.000 đ (một triệu đồng), sau đó, thuê taxi lên tỉnh Yên Bái để chơi, số tiền cầm cố B đã dùng chi tiêu cá nhân hết.

Trong quá trình điều tra, và tại phiên tòa ngày hôm nay Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên.

b) Các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 20/02/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã tiến hành tạm giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI – Y7 PRO loại cảm ứng mà B đã trộm cắp của anh N tại cửa hàng của anh T và yêu cầu tiến hành định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL – ĐGTS ngày 21/02/2019 của Hội đồng định giá huyện T xác định “Điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI – Y7 PRO loại cảm ứng màu đen đã qua sử dụng, mua ngày 02/02/2019 có giá trị 3.000.000 đồng”

Ngày 22/02/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố Bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Dương Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (nay viết tắt là BLHS năm 2015);

Đối với Nguyễn Văn T là người cho B cầm cố tài sản, mặc dù, không biết đó là tài sản cầm cố do B trộm cắp, nhưng bản thân T không có Giấy phép kinh doanh cầm đồ nên Công an huyện T đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với T; bên cạnh đó, T không có yêu cầu gì về việc bồi thường trách nhiệm dân sự.

Đối với Nguyễn Văn Th không biết hành vi phạm tội của B nên không đề cập xử lý.

Đối với Người bị hại là anh Hoàng Văn N, ngày 28/02/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại tài sản, anh N không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

c) Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 11/CT – VKS - TS ngày 09/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Dương Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015;

- Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao Bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện T, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo Dương Văn B.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; Khoản 1, điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xác nhận, ngày 28/02/2019 anh Hoàng Văn N đã nhận lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI – Y7 PRO loại cảm ứng màu đen.

d, Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa hôm nay các Bị cáo Dương Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ 50 phút ngày 19/02/2019, tại khu D, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ lợi dụng lúc anh Hoàng Văn N đang ngủ, Dương Văn B đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI – Y7 PRO, trong vỏ ốp điện thoại có để tờ tiền mệnh giá 5000 đ) của anh N. Tại bản Tội phạm kết luận định giá tài sản số: 02/KL – ĐGTS ngày 21/02/2019 của Hội đồng định giá huyện T đã xác định, chiếc điện thoại mà Bị cáo chiếm đoạt của anh N có giá trị 3.000.000đ. Tổng trị giá tài sản Bị cáo B đã trộm cắp là 3.005.000 đ (ba triệu không trăm năm nghìn đồng). Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Dương Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Khoản 1 Điều 173 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm...”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý; động cơ, mục đích là vì vụ lợi. Do đó, hành vi phạm tội của Bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó cần cho Bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015;

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Do tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của Bị cáo nên cần xử Bị cáo hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Do Bị cáo B là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo nên không cần cách ly Bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi để giáo dục Bị cáo là phù hợp với Khoản 1, 2 Điều 65 của BLHS năm 2015.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*".

Hội đồng xét xử xét thấy, Bị cáo phạm tội lần đầu, số tiền Bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội không lớn. Bên cạnh đó, qua xác minh về tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ngày 02/4/2019 thì thấy Bị cáo không có tài sản gì có giá trị, là hộ cận nghèo. Vì vậy, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với cáo Bị cáo là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn Th không biết hành vi phạm tội của B nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh N đã nhận lại chiếc điện thoại do B chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên không xem xét.

Đối với Nguyễn Văn T là người cho B cầm cố tài sản, mặc dù, không biết đó là tài sản cầm cố do B trộm cắp, nhưng bản thân T không có Giấy phép kinh doanh cầm đồ nên Công an huyện T đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với T là phù hợp. Anh T không có yêu cầu bồi thường dân sự đối với Bị cáo nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Ngày 28/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại vật chứng là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI – Y7 PRO mặt sau có 01 ốp nhựa, bên trong ốp có 01 tờ tiền có mệnh giá 5000 đ) cho Bị hại là anh N là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ kết tội, tội danh:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Dương Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Xử phạt bị cáo Dương Văn B 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện T, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo Dương Văn B.

3. Áp dụng Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 10/LCĐKNCT-TA ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đối với Dương Văn B.

4. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; Khoản 1, điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại vật chứng là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI-Y7PRO, loại cảm ứng màu đen, đã cũ đã qua sử dụng, phía sau có 01 ốp nhựa bên trong ốp có 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 VNĐ(năm nghìn đồng) cho anh Hà Văn N theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 28/02/2019 là hợp pháp.

5. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Dương Văn B phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người Bị hại, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Mai